

Số: 23/KH- DTNT.BH

Bắc Hà, ngày 03 tháng 9 năm 2020

## KẾ HOẠCH

### Phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2021 và 5 năm 2021 - 2025

Căn cứ công văn số 1382/SGD&ĐT-KHTC, ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc xây dựng kế hoạch phát triển Giáo dục Đào tạo năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025. Trường PTDT Nội trú THCS&THPT huyện Bắc Hà xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục Đào tạo năm học 2021 – 2022 và kế hoạch 5 năm 2021-2025 như sau:

#### I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020 (năm học 2019 -2020) và ước thực hiện kế hoạch 2021 (năm học 2020 -2021)

##### 1. Thực trạng phát triển GD&ĐT của nhà năm học 2019 - 2020

###### 1.1. Tình hình mạng lưới trường, lớp học:

- Kế hoạch giao: Tổng số 14 lớp, trong đó bậc THCS= 8 lớp; THPT= 6 lớp;
- Thực hiện: 100% Kế hoạch giao;

###### 1.2. Quy mô học sinh:

- Kế hoạch giao 14/14 lớp với 490/490 HS;
- Thực hiện: 14/14 lớp với 490/490 HS đạt 100% KH giao.
- Tuyển mới khối 6 và khối 10 là 140 học sinh đạt 100% kế hoạch.

###### 1.3. Chất lượng 2 mặt giáo dục:

###### \* Chất lượng, hiệu quả giáo dục của học sinh

Xếp loại	Số lượng	Tốt/giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Ghi chú
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Hạnh kiểm	490	348	71,0	137	28,0	2	0,4	3	0,6	Hạnh kiểm (Tốt, Khá; TB). Học lực (Giỏi, Khá, TB)
Học lực	490	29	5,9	315	64,3	146	29,8	0	0	

- Hiệu quả giáo dục: Làm tốt công tác phân luồng hướng nghiệp cho HS sau tốt nghiệp THCS và THPT. Cấp THCS tốt nghiệp đạt 100%, có 66/70 học sinh vào học tiếp THPT đạt 94,2%, trong đó có 52 học sinh đỗ vào các trường PTDT Nội trú THPT (14 HS DTNT Tỉnh). Có 01 HS đỗ vào trường THPT Chuyên; 04 em học nghề.

- Thi Tốt nghiệp THPT: Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 100%, là một trong 1/18 trường THPT trên toàn tỉnh đạt tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT 100% phổ điểm cao ở các bộ môn (Môn Lịch sử: thứ 1; GDCD: thứ 2; Địa lý: thứ 2; môn Sinh: Thứ 2; Môn Hóa: thứ 2; Môn Vật lý: Thứ 3; Môn Toán: thứ 4; tiếng Anh: thứ 4).

Kết quả Đỗ vào các trường ĐH và CĐ: Hiện tại chưa có kết quả nhập học vào các trường Đại học năm 2020.

- Tham gia đầy đủ các cuộc thi, hội thi do Sở và ngành tổ chức, đều có HS đạt giải cấp Tỉnh. Trong năm có 12 HS đạt giải HSG cấp Tỉnh; 3/3 sản phẩm NCKH đạt cấp Tỉnh; 01 sản phẩm đạt cấp Tỉnh (Sáng tạo Thanh thiếu NND; trường đạt giải nhì cấp Tỉnh khối THPT trong Cuộc thi trường học Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn năm 2019. So với cùng kỳ năm trước và kế hoạch, mục tiêu đề ra đầu năm, đa số chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch.

**1.4 Tình hình triển khai thực hiện Đề án số 06:** Đã triển khai đề án đến tất cả CBGV, NV trong nhà trường. Nhà trường duy trì tốt công tác số lượng, chất lượng; duy trì các tiêu chí trường chuẩn Quốc gia. Tuy nhiên còn 2 tiêu chí chỉ đạt mức 1, lý do thiếu CBQL và nhân viên theo vị trí việc làm.

#### **1.5. Tình hình đội ngũ:**

\* **Biên chế giao:** 58 người;

\* **Thực hiện:**

- Từ tháng 8/2019 đến tháng 6/2020 có 55 người (Thiếu 03 người);

- Từ 15/6 đến 30/9/2020 tổng CBGV, NV là 56 (BGH 03, giáo viên 32, cấp THCS 13; giáo viên THPT 19; Nhân viên 21 người trong đó biên chế 8 người, hợp đồng cấp dưỡng theo nghị định 161 là 11 người; 02 nhân viên (Y Tế, Kế toán hợp đồng trong biên chế lương); có 01 người chưa qua đào tạo).

- Đến 1/10/2020, 01 Phó Hiệu trưởng nghỉ hưu trước tuổi theo ND 108.

- Hiện tại, thiếu 02 vị trí (01 vị trí văn thư và 01 vị trí CNTT). Cơ cấu bộ môn không đồng đều, môn văn THPT chỉ có 01 GV từ năm 2017; môn Sinh, thể dục có dôi dư (Mỗi môn 0,5 định mức).

\* **Kết quả phân xếp loại đội ngũ năm học 2019 - 2020:**

+ Đánh giá xếp loại CBQL theo chuẩn: 3/3 đ/c; trong đó: 03 Khá; Xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp: Xuất sắc: 0đ/c, Khá: 32 đ/c.

+ Phân xếp loại viên chức HTSXNV 9, HTTNV 43. HTNV 4

+ Thi đua: 28 đồng chí đạt Lao động tiên tiến; 5 đồng chí đạt CSTĐ cấp cơ sở;

#### **1.6. Về đầu tư CSVC trường học:**

\* **Nhìn chung:** Đảm bảo tối thiểu cho các hoạt động dạy học, nuôi dưỡng chăm sóc học sinh. Số phòng học 14 phòng học đảm bảo theo tiêu chuẩn. Số phòng học chức năng: 09 phòng. Số phòng làm việc: 11 phòng. Số phòng ở nội trú: 48 phòng, bình quân 12 học sinh/phòng. Nhà ăn: diện tích đủ chỗ ăn cho học sinh.

\* **Khó khăn:**

- Phòng học Ngoại ngữ và phòng máy khâu không sử dụng được từ năm 2012.

- Phòng học Tin học được trang cấp từ những năm 2009; 2012 đã xuống cấp, thường xuyên phải sửa chữa, không đồng bộ, sử dụng không hiệu quả ảnh hưởng đến chất lượng dạy học bộ môn và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Các phòng học Bộ môn chưa đảm bảo theo quy định mới (Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020).

- Phòng ở nội trú chật, HS phải ở ghép (thiếu 10 phòng ở cho học sinh nội trú). Khu Nội trú, hệ thống khu vệ sinh KTX (Thoát sàn, ống thoát nước), tường rào quanh trường, khu sau Văn phòng nay xuống cấp, có nguy cơ mất an toàn cho HS.

- Khu lớp học, Nhà Đa năng bị nứt.

- Hệ thống nước toàn trường yếu, gây thiếu nước sinh hoạt cho HS nội trú và các HĐ của trường.

### **1.7. Về thực hiện công tác quản lý tài chính**

- Định mức phân bổ ngân sách theo Nghị quyết 89/2016 của HĐND

+ Định mức chi thường xuyên thực tế được phân bổ là 21 triệu/biên chế, dự toán được giao 1.218 triệu đạt tỷ lệ 100% so với định mức theo ND 89;

+ Các khoản chi đặc thù đảm bảo kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ các kỳ thi, ôn thi tốt nghiệp THPT, ôn thi học sinh giỏi cấp Tỉnh.

+ Thuận lợi: Định mức chi thường xuyên được phân bổ theo nghị quyết 89/2016 đã đáp ứng được nhu cầu chi phí chi thường xuyên cho hoạt động của đơn vị.

+ Khó khăn: Không

**- Thực hiện chi thường xuyên năm 2019 và 8 tháng đầu năm 2020, ước thực hiện cả năm 2020**

+ Thực hiện chi thường xuyên năm 2019: **7.636 triệu**

+ Kinh phí được giao 2020: **8.119 triệu**

Trong đó kinh phí đã thực hiện:

Các khoản thanh toán cá nhân : **4.383 triệu**

Chi công tác phí, chi chuyên môn: **85,908 triệu**

Sửa chữa cơ sở vật chất: **10,5 triệu**

+ Ước thực hiện năm 2020 là: **7.875 triệu**

**- Tình hình thực hiện chính sách của Nhà nước và địa phương đối với HS:**

+ Kinh phí được giao: **9.225 triệu**, chi học bổng cho học sinh: **6.543 triệu**, chi các hoạt động của học sinh nội trú: **1.950 triệu**; các khoản đặc thù: **732 triệu** đồng;

+ **Thuận lợi:** KP được giao từ đầu năm, đảm bảo chế độ, chính sách cho HS.

+ **Khó khăn:** Không

**- Chính sách đối với giáo viên:**

+ **Thuận lợi:** Kinh phí được cấp đáp ứng đầy đủ chế độ chính sách của giáo viên như thâm niên nhà giáo, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp đặc thù trường nội trú.

+ **Khó khăn:** Không.

**- Đánh giá huy động các nguồn kinh phí xã hội hóa:** Không thực hiện.

**- Quản lý, sử dụng các khoản thu, chi dạy thêm, học thêm:** Không tổ chức dạy thêm, học thêm.

### **2. Ước thực hiện năm học 2020-2021**

- Duy trì 100% về số lớp và số HS đầu năm.

- Thực hiện tuyển sinh đầu cấp 70 HS (lớp 6)- ra trường 70 (HS lớp 9); 70 HS lớp 10- ra trường THPT (lớp 12) 70 đạt 100%.

- Các chỉ tiêu, mục tiêu khác hoàn thành tốt.

### **3. Kết quả đạt được**

Năm 2019-2020, nhà trường cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, Duy trì số lượng đạt 100%, không có học sinh bỏ học, nghỉ học. Việc dạy và học đã có chuyển biến. Kỷ cương, nề nếp dạy và học có chuyển biến tích cực, đã có phong trào thi đua dạy tốt, học tốt. Chất lượng dạy và học đã có chuyển biến, tỷ lệ học sinh có lực học giỏi, học sinh có lực học khá tăng. HS đỗ chuyên và kết quả thi TN THPT được giữ vững ở tốp cao của tỉnh. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải

nghiệm, hoạt động giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống... được quan tâm tổ chức. Khung cảnh trường lớp sạch, đẹp, môi trường giáo dục, điều kiện về cơ sở vật chất tốt, đáp ứng yêu cầu dạy và học. Các hoạt động xây dựng mô hình trường học gắn với thực tiễn được duy trì và phát huy.

#### **4. Tồn tại, hạn chế khó khăn:**

- Điều kiện CSVC còn khó khăn cho thực hiện Chương trình SGK mới, về phòng học bộ môn chưa đạt chuẩn, phòng tin học, ngoại ngữ (đã nêu trên) xuống cấp, không sử dụng được.

- Kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu đã có nhiều tiến bộ song chất lượng giải chưa cao. Chất lượng đội ngũ chưa đồng đều.

- Một số cơ sở vật chất của nhà trường đã xuống cấp, hỏng phải sửa chữa nhiều. Hệ thống nước sạch không đủ cho sinh hoạt. Phòng ở nội trú cho học sinh vẫn còn thiếu 10 phòng.

#### **5. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

- Thiếu CBQL, số lượng CB, GV nghỉ ốm, nghỉ thai sản nhiều.

- Một số HS tuyển sinh vào lớp 10 theo cơ cấu, vùng miền điểm thấp nên khi vào học gặp nhiều khó khăn.

- Số lượng GV/ môn ít, nên việc trao đổi chuyên môn còn gặp khó khăn. Nhận thức về yêu cầu triển khai thực hiện yêu cầu đổi mới giáo dục, khả năng tiếp cận những vấn đề mới của một số cán bộ, giáo viên còn hạn chế, thiếu tinh thần quyết tâm cao, chưa chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong triển khai thực hiện.

- Công tác kiểm tra nội bộ hiệu lực, hiệu quả chưa cao; vai trò chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của CBGVNV chưa được khẳng định rõ.

- Một số công trình, thiết bị của nhà trường được cung cấp, sử dụng nhiều năm nên đã xuống cấp, phải tu sửa.

#### **6. Giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, khó khăn**

- Làm tốt công tác tư tưởng cho đội ngũ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, vượt qua các khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đổi mới công tác quản lý, đề cao vai trò của các đầu mối, các tổ trưởng, trưởng các đoàn thể và các cá nhân trong thực thi nhiệm vụ.

- Công bằng, dân chủ, công khai trong các hoạt động và thi đua khen thưởng.

- Quan tâm đến công tác Bồi dưỡng và tự bồi dưỡng của Đội ngũ.

- Tăng cường công tác Kiểm tra nội bộ, đôn đốc nhắc nhở, tư vấn kịp thời để giúp đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ kiểm tra cho thành viên Ban KTNB.

- Tích cực trao đổi chuyên môn với các trường THCS&THPT trên địa bàn và cùng hệ thống các trường DTNT trong Tỉnh.

- Rà soát, bổ sung kịp thời CSVC bị xuống cấp. Liên hệ trực tiếp với công ty nước sạch, tìm các biện pháp để đảm bảo ở mức cao nhất về nước sạch cho CBGV, NV và HS sử dụng.

## **II. Xây dựng kế hoạch phát triển GD&ĐT năm 2021 (Năm học 2021 -2022)**

### **1. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

- Các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về giáo dục và đào tạo, về phát triển kinh tế - xã hội các vùng.

Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo của cả nước thông qua các nhiệm vụ trọng tâm; các đề án, dự án về phát triển trường chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, tăng cường năng lực dạy và học ngoại ngữ; bảo đảm thực hiện các chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo...;

Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020”;

Kế hoạch số 129/KH-BGDĐT ngày 07/02/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Kế hoạch hành động vì trẻ em của ngành giáo dục giai đoạn 2013-2020;

Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh Lào Cai;

Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp học giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030;

Chương trình hành động số 153- CTr/TU ngày 06/01/2014 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo;

Đề án 06 của Tỉnh ủy;

Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường.

## **2. Nội dung kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo**

### **2.1. Mục tiêu**

Thực hiện tốt chủ đề các năm học. Tiếp tục duy trì vững chắc và phát huy những kết quả đã đạt được của những năm học trước, triển khai đồng bộ các giải pháp làm chuyển biến mạnh hơn về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Xây dựng Mô hình trường học Nông trại tiêu biểu trong Tỉnh; xây dựng Mô hình trường học “Tự quản- hướng nghiệp- an toàn- hiệu quả”...

Công nhận lại trường học đạt Chuẩn quốc gia, đánh giá ngoài đạt mức độ 2.

### **2.2. Chỉ tiêu phát triển giáo dục:**

#### **2.2.1. Chỉ tiêu phát triển giáo dục năm học 2021-2022**

##### **2.2.1.1. Học sinh:**

- Quy mô: Duy trì 14 lớp với 490/490 học sinh.

- Hiệu quả 2 mặt giáo dục học sinh (Thông tư 26, sửa đổi Thông tư 58 về đánh giá học sinh)

+ Học lực: Giỏi từ 6 % trở lên, Khá từ 60% trở lên.

+ Hạnh kiểm 95,5% học sinh đạt hạnh kiểm Tốt, Khá trở lên, không có HK yếu.

- Kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPT quốc gia năm 2021: 100%, phổ điểm trong top cao của Tỉnh.

- Kết quả lớp 9 thi tuyển vào lớp 10: Làm tốt công tác phân luồng sau THCS, tư vấn HS học tiếp THPT và học nghề cho phù hợp với năng lực, điều kiện gia đình. Phân đầu 50/70 em đỗ vào các trường PTDT nội trú, trong đó có 15/70 HS đỗ vào Nội trú Tỉnh; 01 HS đỗ THPT Chuyên., 05 em học nghề, số còn lại học tại các trường THPT trên địa bàn.

- Học sinh đạt HSG văn hóa: Cấp Huyện 30 giải; cấp tỉnh 18 giải.

- Cuộc thi sáng tạo TTNNĐ: 03 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh.
- Nghiên cứu khoa học: 03 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh);

#### **2.2.1.2. Tập thể nhà trường:**

- Danh hiệu: Tập thể Lao động xuất sắc nhiệm vụ.
- Khen thưởng: Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Lào Cai.

#### **2.2.1.3. Các tổ chuyên môn, các tổ công tác:**

- Số giờ có ứng dụng CNTT, ĐMPPDH: 1400 giờ trở lên.
- Vận dụng mô hình trường học mới cấp THPT: 180 tiết trở lên;
- Đội mới sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học: 18 buổi;
- Hướng dẫn nghiên cứu khoa học kỹ thuật: 10 sản phẩm/dự án;
- Xây dựng mô hình trường học gắn thực tiễn 100% CBGV, NV tham gia.
- Số SKKN có áp dụng khoa học NCSP ứng dụng: 4.

#### **2.2.1.4. Các tổ chức đoàn thể:**

- Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Đoàn trường: Đoàn trường vững mạnh xuất sắc.
- Hội Chữ thập đỏ: Vững mạnh xuất sắc.
- Công đoàn: Công đoàn vững mạnh xuất sắc.

#### **2.2.1.5. Cán bộ, giáo viên, nhân viên:**

- Danh hiệu CSTĐCS: 05 đồng chí LĐTT: 35 đồng chí
- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường 03 người.
- Danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường: 27 đồng chí trở lên.
- Số sáng kiến kinh nghiệm và NCKHSPUD: 100% CBQL, GV tham gia;
- Xếp loại chuyên môn: Giỏi: SL: 14 = 43,8%, Khá: SL 18 = 56,25%,
- Kết quả xếp loại đánh giá CBQL, giáo viên theo Chuẩn Hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên. CBQL: Xuất sắc 1/3; Khá 2/3; Giáo viên: 100% GV được đánh giá đạt chuẩn trở lên (XS:  $5/33 = 15,2\%$ ;  $28/33 = 84,8\%$ ).

- Xếp loại CCVC, đạt HTXSNV: 16,4%, HTTNV: trên 68%, HTNV: dưới 15%
- Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe: Tổ chức ăn 3 bữa/ngày đủ định lượng, chất lượng; đảm bảo vệ sinh ATTP. Đủ nước uống hợp vệ sinh. Thực hiện tốt công tác y tế chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường, phấn đấu có 100% HS đủ sức khỏe học tập. Đảm bảo nền nếp ăn ở sạch sẽ phấn đấu mỗi lớp có 01 phòng ở văn hoá.

### **2.2.2. Chỉ tiêu phát triển giáo dục đến năm 2025 (Năm học 2025- 2026)**

**2.2.2.1. Quy mô trường lớp, học sinh:** Duy trì 14 lớp với 490 HS (THCS= 8 lớp = 280HS; THPT=6 lớp= 210 HS);

**2.2.2.2. Tỷ lệ huy động HS ra lớp:** 100%;

**2.2.2.3. Xây dựng trường học Đạt Chuẩn quốc gia:** Năm 2021, nhà trường được đánh giá kiểm định chất lượng mức độ 2 và được công nhận lại Chuẩn Quốc gia. Đến năm 2025, trường được đánh giá kiểm định chất lượng mức độ 3 và duy trì chuẩn đạt chuẩn Quốc gia.

#### **2.2.2.4. Các Mục tiêu cụ thể**

##### **\* Mục tiêu 1: Tập thể nhà trường**

- Hằng năm đều đạt danh hiệu: Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó đến 2025 có ít nhất 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Được công nhận Tập thể Lao động tiên tiến hoặc Tập thể Lao động xuất sắc.

- Hình thức khen thưởng: Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh (2021). Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2024).

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm; trong đó đến 2025 có ít nhất 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

- Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ công tác có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Các tổ Công tác Quản lý học sinh nội trú an toàn, nuôi dưỡng HS đảm bảo. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

### **\* Mục tiêu 2: Đội ngũ**

#### **a) Về số lượng, trình độ đào tạo**

- Phân đấu đủ số lượng CBQL: 03 (01 Hiệu trưởng; 02 Phó Hiệu trưởng); Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có trình độ Thạc sĩ;

- Đến năm 2021, đủ số lượng Giáo viên theo quy định/lớp học. 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đến năm 2025, 20% trở lên giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn;

- Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm; hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

#### **b) Danh hiệu thi đua hằng năm**

- Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh: 01 - Năm 2024;

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: Phân đấu đạt từ 4 người trở lên.

- Lao động tiên tiến: Phân đấu đạt từ 26 người trở lên.

#### **c) Xếp loại chuyên môn**

- Giỏi: 8 người;

- Khá: 24 người;

#### **d) Đánh giá theo Chuẩn.**

- Cán bộ quản lý: 03 đ/c (trong đó, 01 Xuất sắc; 02 Khá).

- Giáo viên: 33 (Trong đó Xuất sắc: 5 đ/c, Khá: 28 đ/c, TB: 0).

### **\* Mục tiêu 3: Học sinh**

#### **a) Quy mô, số lượng**

Duy trì 14 lớp từ lớp 6 đến lớp 12 với 490 HS, trong đó mỗi lớp 35 HS. Tuyển sinh đủ 100% kế hoạch giao.

#### **b) Chất lượng**

- Hàng năm, về học lực:

+ Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi đạt ít nhất 5-8%;

+ Tỷ lệ học sinh xếp loại khá đạt ít nhất 60%

+ Không có HS xếp loại yếu, kém.

- Về hạnh kiểm: Duy trì tỷ lệ HS xếp loại Hạnh kiểm khá, tốt: 97% trở lên.

### **\* Mục tiêu 4: Cơ sở vật chất**

- Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

- Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Các phòng tin học được trang bị đủ máy (tối thiểu 2HS/máy), hoạt động và kết nối mạng tốt. Phòng nghe nhìn phục vụ cho môn Tiếng Anh đảm bảo tiêu chuẩn, hỗ trợ tốt cho việc dạy ngoại ngữ.

- Phòng thí nghiệm đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Đến năm 2025, thư viện của nhà trường có hệ thống máy tính, được kết nối Internet, có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Hệ thống ký túc xá được tu bổ, nâng cấp, sắp xếp khoa học... đảm bảo chỗ ở, các điều kiện sinh hoạt cho 490 HS.

### **2.3. Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2021**

Tổng nhu cầu kinh phí: 17.440 triệu đồng, trong đó:

+ Chi thường xuyên: 7738 triệu đồng (trong đó chi lương vào các khoản có tính chất lương 6528 triệu đồng).

+ Chi thực hiện các chế độ chính sách học sinh: 9702 triệu đồng (Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách của TW, địa phương : Chế độ 109: 8626 triệu đồng; các chế độ khác: 274 triệu đồng; Khoản chi đặc thù: 227 triệu đồng; Khoản ngoài định mức, Lương HĐ 161 : 502 triệu đồng, Sửa chữa thường xuyên 73 triệu đồng).

### **3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

**3.1. Về quy mô trường lớp:** Ổn định 14 lớp với 490 HS.

**3.2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực công tác chỉ đạo, quản trị**

- Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho CBGVNV đặc biệt nhấn mạnh nội dung “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Tích cực bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đội ngũ chuẩn bị thực hiện chương trình GDPT mới, xây dựng đội ngũ có phẩm chất, năng lực, trình độ cao đáp ứng yêu cầu của giáo dục hiện nay.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Quản lý theo chuẩn (dạy học đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, đánh giá cán bộ quản lý theo chuẩn Hiệu trưởng, đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, tự đánh giá, bổ sung hoàn thiện trường học theo chuẩn chất lượng trường THPT, tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia theo quy định mới, đánh giá xếp loại CCVC...).

- Thực hiện quản lý nhà trường bằng quản lý công việc, quản lý kế hoạch, quản lý chất lượng, hiệu quả công việc. Cùng cố, phát huy vai trò của các tổ chức trong trường theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đặc biệt đối với tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm. Tăng cường tính tích cực, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính sáng tạo của từng chức danh đối với các nhiệm vụ được giao (Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng,



tổ phó chuyên môn, GVCN, giáo viên bộ môn, nhân viên trường học, người đứng đầu các bộ phận). Thực hiện công khai kế hoạch tuần, tháng, lịch công tác của cán bộ quản lý để CBGV, NV theo dõi, giám sát và thuận lợi trong công tác.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý (Tăng cường sử dụng các phần mềm trong quản lý hoạt động dạy học của giáo viên, quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, sắp xếp thời khoá biểu, quản lý thư viện trường học,...): Sử dụng phần mềm VnEdu trong quản lý nhà trường, sổ liên lạc điện tử.

- Công tác tham mưu, dân vận: Tuyên truyền, đẩy mạnh công tác XHH giáo dục, thường xuyên liên lạc với Hội cha mẹ HS để tăng cường sự phối hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục, ngăn chặn sự vi phạm pháp luật của HS nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục toàn diện. Phối hợp tốt với UBND thị trấn và Công an Huyện, công an thị trấn để làm tốt công tác an toàn xã hội trong khu vực.

### **3.3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện**

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

+ Tiếp tục xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục nhà trường theo hướng tự chủ, tinh giản tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông mới, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với xã hội.

+ Thực hiện chuyên đề hiệu trưởng, hiệu phó làm nòng cốt chuyên môn.

+ Tăng cường công tác Bồi dưỡng giáo viên nhằm đáp ứng đổi mới chương trình SGK mới: Mà nòng cốt là tự bồi dưỡng.

+ Tăng cường công tác kiểm tra của lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng chuyên môn về việc thực hiện nhiệm vụ dạy học của giáo viên. Kiểm tra từ thực hiện nề nếp, quy chế, hồ sơ chuyên môn, thực hiện nội dung giảng dạy, ra đề kiểm tra, chấm bài kiểm tra theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học đến tổ chức giờ dạy nhằm trao đổi, tư vấn, thúc đẩy chuyên môn nâng cao chất lượng.

+ Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp tổ chức dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học của học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh.

+ Quản lý chuyên môn theo quy chế hiện hành: Quản lý chặt chẽ, nghiêm túc khâu thiết kế bài giảng, soạn giáo án; công tác thi, kiểm tra ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm thi và nhận xét đánh giá; thực hiện các biện pháp phù hợp để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Phối hợp Công đoàn, ĐTN xây dựng kế hoạch và triển khai phát động các đợt thi đua chào mừng các ngày lễ lớn của ngành, của đất nước trong CBGV, HS.

- Thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa các hoạt động quản lý, hoạt động giáo dục; xã hội hóa, tích cực hội nhập, tiếp cận tư tưởng và phương pháp quản lý hiện đại; hướng tới yêu cầu giáo dục chất lượng cao.

### **3.4. Về tài chính, CSVC và trang thiết bị cho dạy học:**

- Bảo quản và sử dụng có hiệu quả các CSVC được trang bị, bố trí khoa học có hiệu quả các CSVC trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nâng cao trách

nhiệm của các nhân viên thực hiện quản lý các CSVC nhà trường. Rà soát lại các CSVC có kế hoạch bổ sung.

- Công tác tài chính: Trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí hiện có, chỉ đạo, tổ chức thảo luận xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ, báo cáo Sở GD&ĐT và kho bạc Huyện. Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo qui chế chi tiêu nội bộ. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với CBQL, giáo viên, nhân viên, HS theo các văn bản pháp quy của Nhà nước đã ban hành. Thực hiện báo cáo tài chính, công khai theo quy định.

#### **4. Hệ thống biểu mẫu (kèm theo)**

**5. Những kiến nghị đề xuất: Để các hoạt động dạy, học và các hoạt động giáo dục của nhà trường hiệu quả, an toàn, đề nghị SGD&Đ Lào Cai xem xét:**

- Đầu tư, trang cấp 02 phòng tin học cho HS;
- Đầu tư 01 phòng tiếng Anh để HS thực hành môn TA;
- Sửa chữa, nâng cấp khu KTX cho HS;
- Sửa chữa nhà đa năng và xây dựng lại tường rào đảm bảo an toàn trường học.

Trên đây là kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục năm học 2021 - 2022 và kế hoạch 5 năm 2021-2025 của trường PTDT Nội trú THCS&THPT huyện Bắc Hà./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND huyện (Phê duyệt);
- Sở GD&ĐT- KHTC (Phê duyệt);
- Lưu VP.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lưu Thị Minh Đức**

**PHÊ DUYỆT CỦA UBND HUYỆN**